

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày 03-12-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Công;
2. Bà Ngô Thị Diễm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn A, sinh ngày 06/8/1990 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B1, xã B1, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Võ Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; sống chung như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn) với Trần Thị Hoa, sinh năm 1993; có 01 người con tên Võ Thị Bé T, sinh năm 2012; tiền sự: Chưa có; Tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Không; tạm giam: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn A: Ông Lê Văn Lợi – Văn phòng Luật sư Lê Văn Lợi (có mặt);

Địa chỉ: Khóm T4, phường A, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp.

2. Cái Văn B, sinh ngày 03/3/1993 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B1, xã B1, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

giới tính: Nam; con ông Cái Văn H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; anh, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Cao Văn S, sinh ngày 10/11/1992 tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã E, huyện F, tỉnh An Giang; hiện đang tạm trú tại: Ấp B1, xã B1, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Cao Văn T, sinh năm 1964 (chết) và bà Phạm Thị X, sinh năm 1956; gia đình có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn T1, huyện H1, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt);
2. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1962 (vắng mặt);
3. Chị Trần Thị N, sinh năm 1984 9 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp B1, xã B2, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 21/7/2021, Cái Văn B, đến nhà của Võ Văn A ở ấp B1, xã B1, thành phố H1; Cả 02 ngồi nói chuyện qua lại, trong lúc nói chuyện A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ B đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, B đồng ý. Thời điểm này, Cao Văn S đến nhà tìm A, A tiếp tục rủ S cùng đi trộm cắp, S đồng ý.

Khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 22/7/2021, A, B, S đi đến khu vực đất ruộng gần khu vực lò thiêu thuộc ấp B1, xã B1, thành phố H1, phát hiện 01 (một) máy dầu để trên bờ ruộng của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970, ngụ khóm Thượng 2, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp sử dụng để bơm nước, quan sát không có người trông coi nên A về nhà lấy dụng cụ mở khóa, S đi tìm cây để khiêng, B ngồi đợi ngay vị trí máy dầu. Khoảng 20 phút sau A và S quay lại, A dùng dụng cụ mở ốc cố định máy rồi cả 03 dùng cây thay phiên nhau khiêng máy

dầu đem đến nhà bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1962, ngụ ấp B1, xã B1, thành phố H1, tỉnh Đồng Tháp để bán nhưng không gặp bà V nên S bỏ về trước, còn A và B khiêng máy để vào nhà của bà V rồi cả 02 bỏ về nhà của mình.

Đến khoảng 07 giờ, ngày 22/7/2021, A đến nhà bà V bán máy dầu với giá 600.000 đồng. A đưa 200.000 đồng cho chị Trần Thị Nhiều, sinh năm 1984, ngụ ấp B1, xã B1, thành phố H1 nhờ đưa hộ cho B, còn 400.000 đồng A tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, A, B, S bị Cơ quan Công an mời về làm việc và cả 03 đã thừa nhận hành vi của mình.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) máy dầu nhãn hiệu RV105, bình dầu màu đỏ, thân máy màu bạc, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 200.000 đồng.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐG ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) máy dầu nhãn hiệu RV105, bình dầu màu đỏ, thân máy màu bạc, đã qua sử dụng là 2.500.000 đồng.

Các vật chứng thu giữ Cơ quan điều tra đã xử lý: Trả cho bị hại Nguyễn Văn Q 01 (một) máy dầu nhãn hiệu RV105, bình dầu màu đỏ, thân máy màu bạc, đã qua sử dụng; Trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu V tiền Việt Nam là 200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu V yêu cầu Võ Văn A trả lại số tiền là 400.000 đồng. A đồng ý và đã bồi thường xong.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT-VKSTPHN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B, Cao Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn A từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cái Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Văn S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với việc bà Trần Thị Thu V là người mua máy dầu do Võ Văn A bán. Bà V không biết tài sản do A trộm cắp mà có, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị Thu V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với việc bà Trần Thị Nhiều là người nhận 200.000 đồng của Võ Văn A nhờ đưa hộ cho Cái Văn B. Bà Nhiều không biết tiền A đưa là do trộm cắp mà có, không hứa hẹn với A, B, S về việc thực hiện hành vi phạm tội, khi bị phát hiện tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Nhiều với vai trò đồng phạm về Tội trộm cắp tài sản, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng vụ án: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý: Trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Q 01 (một) máy dầu nhãn hiệu RV105, bình dầu màu đỏ, thân máy màu bạc, đã qua sử dụng; trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu V tiền Việt Nam là 200.000 đồng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời bị cáo Võ Văn A cũng đã bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu V số tiền là 400.000 đồng, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Luật sư Lê Văn Lợi là người bào chữa cho bị cáo Võ Văn A, xác định hành

vi của bị cáo Võ Văn A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc kB nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, do bản thân muốn có tiền để tiêu xài không cần lao động vất vả, các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm tài sản của người khác. Cụ thể: Vào khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 22/7/2021, A, B, S đi đến khu vực đất ruộng gần khu vực lò thiêu thuộc ấp B1, xã B1, thành phố H1, lợi dụng không có người trông coi tài sản, các bị cáo đã lén lút lấy trộm của ông Nguyễn Văn Q 01 máy dầu đang sử dụng để bơm nước, đem bán cho bà Trần Thị Thu V mục đích để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì bị phát hiện.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐG ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) máy dầu nhãn hiệu RV105, bình dầu màu đỏ, thân máy màu bạc, đã qua sử dụng giá trị là 2.500.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Võ Văn A, Cái Văn B và Cao Văn S đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho người dân hoang mang lo sợ, tB an tâm trong lao động sản xuất. Hiện nay, tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố Hồng Ngự nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bản thân các bị cáo chưa có tiền sự, tiền án, do không có nghề nghiệp ổn định nhưng lại muốn nhanh có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Điều đó thể hiện các bị cáo tB ý thức tu dưỡng rèn luyện nhân cách.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà từng bị cáo gây ra để quyết định mức hình phạt cho tương xứng.

Trong vụ án này, bị cáo Võ Văn A là người khởi xướng và rủ rê các bị cáo Cái Văn B và Cao Văn S thực hiện hành vi trộm tài sản, bị cáo cũng chính là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản đem bán. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với 2 bị cáo Cái Văn B và Cao Văn S, khi bị cáo A rủ đi trộm tài sản bán để lấy tiền tiêu xài thì 2 bị cáo đồng ý ngay và cùng với bị cáo A đi lấy trộm tài sản. Hành vi phạm tội của 2 bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý nghiêm.

[7] Đối với việc bà Trần Thị Thu V là người mua máy dầu do Võ Văn A bán. Bà V không biết tài sản do A trộm cắp mà có nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị Thu V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Đối với việc bà Trần Thị Nhiều là người nhận 200.000 đồng của Võ Văn A nhờ đưa hộ cho Cái Văn B. Bà Nhiều không biết tiền A đưa là do trộm cắp mà có, không biết, không hứa hẹn với A, B, S về việc thực hiện hành vi phạm tội, khi bị phát hiện tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nhiều với vai trò đồng phạm về tội trộm cắp tài sản, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý: Trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Q 01 (một) máy dầu nhãn hiệu RV105, bình dầu màu đỏ, thân máy màu bạc, đã qua sử dụng; trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu V tiền Việt Nam là 200.000 đồng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn điều tra, bị hại Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu V yêu cầu Võ Văn A trả lại số tiền là 400.000 đồng, bị cáo A đồng ý và đã bồi thường xong, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo Cái Văn B, Cao Văn S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Riêng bị cáo Võ Văn A, xét thấy bị cáo thuộc diện gia đình hộ cận nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 nên Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cái Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Cái Văn B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Cao Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Cái Văn B, Cao Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Võ Văn A được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2021). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thông